

Số: 1593/2025/QĐST-HNGĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 1340/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2025 về việc “Ly hôn”, giữa:

Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Vân H, sinh năm 1965; Địa chỉ: Số A đường N, phường H (Phường C, quận G cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Hồ Duy L, sinh năm 1966; Địa chỉ: Số A đường N, phường H (Phường C, quận G cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 54, 55, 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 12 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 12 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Đỗ Thị Vân H và ông Hồ Duy L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 11, Quyền số 01/96 ngày 28/01/1996 của Ủy ban nhân dân Phường C, quận G (nay là phường H), Thành phố Hồ Chí Minh hết hiệu lực.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Vân H và ông Hồ Duy L thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Có 02 con chung tên là Hồ Cát Q, sinh ngày 13/10/1996 và Hồ Cát T, sinh ngày 03/10/1999 đều đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Bà H và ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

- Về án phí: Bà Đỗ Thị Vân H thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Khu vực 7 – Tp.HCM;
- Cơ quan thi hành án có thẩm quyền;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Kim Nga